

BÁO CÁO

**Giám sát kết quả việc thực hiện chuyển đổi vị trí công tác
đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn huyện**

Thực hiện Quyết định số 04/QĐ-HĐND ngày 22/3/2022 của Thường trực Hội đồng nhân dân huyện về thành lập Đoàn giám sát việc thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn huyện; Kế hoạch số 135/KH-HĐND ngày 25/3/2022 của Đoàn Giám sát Hội đồng nhân dân huyện về việc giám sát việc thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn huyện Đak Pơ; Đoàn giám sát đã tiến hành làm việc với UBND xã Hà Tam, Ya Hội, Cư An, Tân An, Phú An, phòng Nội vụ, UBND huyện, đồng thời xem xét báo cáo của UBND xã Hà Tam, An Thành, Ya Hội và thị trấn Đak Pơ. Trên cơ sở giám sát trực tiếp và gián tiếp, Đoàn giám sát Thường trực HĐND huyện báo cáo kết quả giám sát như sau:

I. Khái quát đặc điểm, tình hình về chức năng, nhiệm vụ của đơn vị liên quan đến Nghị định số 158/2007/NĐ-CP và Nghị định số 150/2013/NĐ-CP của Chính phủ:

Tính tới thời điểm giám sát huyện Đak Pơ có 08 đơn vị hành chính cấp xã (07 xã, 01 thị trấn); có 12 phòng ban chuyên môn, 5 đơn vị sự nghiệp và 20 trường công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện.

Theo phân cấp công tác quản lý cán bộ, UBND huyện triển khai thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo quản lý. Đối với cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý thực hiện chuyển đổi vị trí theo quy chế luân chuyển cán bộ của đảng.

Căn cứ Nghị định số 158/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007; Nghị định số 150/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013; Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ; các văn bản hướng dẫn liên quan về chuyển đổi vị trí công tác và chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, các chức danh, vị trí chuyển đổi chủ yếu, UBND huyện, UBND các xã, thị trấn đã triển khai thực hiện các quy định của pháp luật liên quan đến chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức như các chức danh sau:

Chức danh công chức cấp xã: Tài chính – Kế toán; Địa chính – Xây dựng; Tư pháp – Hộ tịch.



Vị trí Kế toán các phòng ban chuyên môn, đơn vị sự nghiệp, các trường công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện.

Công chức làm bộ phận theo dõi, tham mưu, thẩm định quản lý về ngân sách, về tuyển dụng, về công tác quản lý nhân sự,... tại các cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND huyện.

II. Kết quả thực hiện

1. Công tác chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện

1.1. Đối với UBND huyện

Căn cứ Nghị định số 158/2007/NĐ-CP, ngày 27/10/2007 của Chính phủ về việc quy định danh mục các vị trí công tác và thời hạn chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức (Nghị định 158/2007/NĐ-CP); Nghị định 150/2013/NĐ-CP, ngày 01/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2007/NĐ-CP, ngày 27/10/2007 của Chính phủ quy định danh mục các vị trí công tác và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức (Nghị định 150/2013/NĐ-CP); Nghị định số 59/2019/NĐ-CP, ngày 01/7/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng chống, tham nhũng (Nghị định 59/2019/NĐ-CP) và các văn bản liên quan¹.

Qua giám sát, Ủy ban nhân dân huyện xây dựng kế hoạch chuyển đổi, nêu rõ nguyên tắc, đối tượng, vị trí chức danh phải chuyển đổi, phương thức chuyển đổi, thời gian dự kiến quyết định chuyển đổi và quy trình tổ chức thực hiện chuyển đổi vị trí công tác, cụ thể như sau: Thông báo số 16/TB-UBND ngày 05/3/2012 về việc chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức; Thông báo số 16/TB-UBND ngày 18/3/2013 về việc chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức; Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 17/02/2014 về việc chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức theo Nghị định số 158/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007 của Chính phủ trên địa bàn huyện Đak Pơ năm 2014; Kế hoạch số 64/KH-UBND ngày 25/9/2015 về việc chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức theo Nghị định số 158/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007 của Chính phủ trên địa bàn huyện Đak Pơ năm 2015; Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 30/3/2017 về việc chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức cấp xã năm 2017;

¹Luật Phòng, chống tham nhũng số 55/2005/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 01/2007/QH12 và Luật số 27/2012/QH13; Nghị định số 158/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007 của Chính phủ quy định danh mục các vị trí công tác và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 150/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007 của Chính phủ; Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tham nhũng. Công văn số 1447/UBND-NC ngày 28/5/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc triển khai thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức theo Nghị định số 158/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007 của Chính phủ.

Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 18/01/2018 về việc chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức theo Nghị định số 158/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007 của Chính phủ trên địa bàn huyện Đak Pơ năm 2018; Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 01/4/2019 về việc chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức theo Nghị định số 158/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007 và Nghị định số 150/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 của Chính phủ trên địa bàn huyện; Kế hoạch số 99/KH-UBND ngày 31/12/2020; Kế hoạch số 152/KH-UBND ngày 27/12/2021 về việc chuyển đổi vị trí công tác theo Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ.

Năm 2011 và 2016, UBND huyện tiến hành rà soát nhưng không có trường hợp đủ thời gian chuyển đổi hoặc đủ thời gian chuyển đổi nhưng thuộc các đối tượng chưa thực hiện chuyển đổi theo quy định². Riêng năm 2020 và 2021, UBND huyện không thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức theo quy định tại Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ lý vì các bộ, ngành chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể về danh mục chức danh cần chuyển đổi theo quy định tại khoản 1, Điều 36 của Nghị định này.

1.2. Đối với phòng Nội vụ

Áp dụng văn bản hiện hành và trên cơ sở chỉ đạo của UBND huyện, phòng Nội vụ đã tham mưu UBND huyện có văn bản quán triệt, triển khai các văn bản quy định liên quan đến chuyển đổi vị trí công tác đến các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn.

1.3. Đối với UBND các xã, thị trấn

Trên cơ sở Kế hoạch của huyện, UBND các xã, thị trấn đã thực hiện các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của UBND huyện và các phòng, ban chuyên môn liên quan đến việc chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức theo Nghị định 158/2007/NĐ-CP, Nghị định 150/2013/NĐ-CP, Nghị định 59/2019/NĐ-CP của Chính phủ; đã tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện rà soát công chức thuộc diện chuyển đổi và báo cáo cấp trên theo yêu cầu.

2. Kết quả đạt được

2.1. Việc tham mưu chuyển đổi vị trí công tác giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện từ ngày 01/4/2011 đến 15/4/2022

Từ năm 2011 đến nay, để phòng chống tham nhũng, tiêu cực, việc chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức được tổ chức triển khai nghiêm túc, đúng quy định. Hàng năm, UBND huyện đều ban hành kế hoạch hoặc thông báo chuyển đổi vị trí công tác.

² Người đang trong thời gian xem xét xử lý kỷ luật; phụ nữ đang mang thai, nuôi con nhỏ dưới 36 tháng hoặc những trường hợp khách quan khác.

- Tăng cường công tác hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các phòng ban, đơn vị huyện và UBND các xã, thị trấn trong việc thực hiện định kỳ chuyển đổi vị trí công tác theo kế hoạch đề ra.

- Thực hiện rà soát vị trí chức danh, vị trí công việc của cán bộ, công chức trong diện chuyển đổi để kịp thời tham mưu UBND huyện xây dựng phương án chuyển đổi theo quy định.

- Tham mưu UBND huyện tiếp tục văn bản chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn huyện; UBND các xã, thị trấn thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức trong nội bộ cơ quan, đơn vị.

- Phối hợp chặt chẽ với các phòng, ban, đơn vị liên quan trong tham mưu tổ chức triển khai thực hiện chuyển đổi vị trí công tác.

3. Đối với UBND các xã, thị trấn

- Tổ chức thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức thuộc thẩm quyền. Đồng thời thường xuyên rà soát, lập danh sách và báo cáo kết quả định kỳ chuyển đổi vị trí công tác cho UBND huyện theo quy định.

- Kịp thời đề xuất, báo cáo UBND huyện đối với những khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức.

- Thực hiện nghiêm túc việc nhận xét, đánh giá công chức hàng năm, đảm bảo đánh giá chính xác, đầy đủ để nâng cao chất lượng công tác và tạo cơ sở cho rà soát và thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức thuộc đơn vị.

- Quan tâm tạo điều kiện đối với công chức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đã quy hoạch vào chức danh lãnh đạo quản lý của xã, thị trấn khi thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đến các xã, trấn khác tiếp tục theo quy hoạch lãnh đạo quản lý tại đơn vị mình theo nhiệm kỳ quy định.

Trên đây là Báo cáo kết quả giám sát việc thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn huyện của Đoàn giám sát Thường trực HĐND huyện./.

Nơi nhận:

- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- UBND huyện; UBNDTTQVN huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Thành viên Đoàn giám sát;
- Đại biểu HĐND huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, Hòa.


TM. ĐOÀN GIÁM SÁT
TRƯỞNG ĐOÀN

PHÓ CHỦ TỊCH HĐND HUYỆN
Nguyễn Hồng Sơn

Danh sách CCVC chuyển đổi nội bộ trong cơ quan, đơn vị, địa phương
(Kèm theo Báo cáo số: 111/BC-HĐND ngày 29/6/2022 của Đoàn giám sát TT HĐND huyện)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Vị trí và thời điểm giữ vị trí công tác hiện nay		Thời điểm chuyển đổi nội bộ
			Thời điểm	Chức danh, đơn vị công tác	
A	CẤP HUYỆN				
1	Trịnh Thị Thu Hương	1986	01/01/2008	Chuyên viên Phòng Tài chính-Kế hoạch	Năm 2012
2	Trần Thị Mỹ Dung	1979	01/01/2009	Thanh tra viên Thanh tra huyện	Năm 2012
3	Đoàn Văn An	1979	01/12/2008	Chuyên viên Phòng Giáo dục và Đào tạo	Năm 2012
4	Võ Thị Linh Kiều	1985	03/01/2006	Kế toán Trung tâm Y tế huyện Đak Pơ	Năm 2012
B	CẤP XÃ				
I	Chức danh Tài chính - Kế toán cấp xã				
1	Châu T. Ánh Hồng	1979	01/4/2014 đến nay	CC Tài chính - Kế toán xã Tân An	Năm 2022
2	Nguyễn T. Thanh Tùng	1989	7/02/2022 đến nay	CC Tài chính - Kế toán xã Tân An	
3	Lê Thị Hồng Ly	1980	01/4/2014 đến nay	CC Tài chính -Kế toán xã Ya Hội	Năm 2022
4	Từ Thị Bích Vân	1981	25/9/2015 đến nay	CC Tài chính -Kế toán xã Ya Hội	
5	Nguyễn T. Ngọc Hà	1973	4/2011 đến nay	CC Tài chính -Kế toán xã Cư An	Năm 2022
6	Nguyễn Ngọc Thịnh	1989	3/4/2021 đến nay	CC Tài chính -Kế toán xã Cư An	
II	Chức danh Tư pháp - Hộ tịch cấp xã				
3	Hoàng Thị Bích Hương	1982	2013 đến nay	Công chức Tư pháp-Hộ tịch thị trấn Đak Pơ	Năm 2013
4	Đinh HLor	1976	2013 đến nay	Công chức Tư pháp-Hộ tịch thị trấn Đak Pơ	
1	Đoàn Thị Gia	1989	2017 đến nay	CC Tư pháp-Hộ tịch xã Hà Tam	Năm 2017
2	Nguyễn Uyên Vũ	1981	2017 đến nay	CC Tư pháp-Hộ tịch xã Hà Tam	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Vị trí và thời điểm giữ vị trí công tác hiện nay		Thời điểm chuyển đổi nội bộ
			Thời điểm	Chức danh, đơn vị công tác	
7	Nguyễn T. Mỹ Phượng	1989	7/2017 đến nay	CC Tư pháp - Hộ tịch xã Phú An	Năm 2017
8	Nguyễn Thanh Bình	1984	7/2017 đến nay	CC Tư pháp - Hộ tịch xã Phú An	
5	Lê Hữu Hiền	1975	02/2019 đến nay	CC Tư pháp - Hộ tịch xã Yang Bắc	Năm 2019
6	Đinh Văn Xô	1989	02/2019 đến nay	CC Tư pháp - Hộ tịch xã Yang Bắc	
9	Đoàn Tứ	1977	8/2020 đến nay	CC Tư pháp - Hộ tịch xã Tân An	Năm 2020
10	Nguyễn Thị Hồng Yến	1983	8/2020 đến nay	CC Tư pháp - Hộ tịch xã Tân An	
11	Nguyễn Ngọc Dũng	1981	7/2020 đến nay	CC Tư pháp - Hộ tịch xã Cư An	Năm 2020
12	Rơ Mãnh Linh	1990	7/2020 đến nay	CC Tư pháp - Hộ tịch xã Cư An	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAK PƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH CHUYỂN ĐỔI VỊ TRÍ CÔNG TÁC THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 158/2007/NĐ-CP,
NGHỊ ĐỊNH 150/2013/NĐ-CP VÀ NGHỊ ĐỊNH 59/2019/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ TỪ NĂM 2011 ĐẾN NAY**

(Chuyển đổi công tác giữa các cơ quan, đơn vị)

(Kèm theo Báo cáo số: 11 /BC-HĐND ngày 29 / 6 /2022 của Đoàn giám sát TT HĐND huyện)

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngạch CCVC	Vị trí công tác trước khi chuyển đổi	Vị trí công tác được chuyển đổi đến	Thời gian chuyển đổi	Ghi chú
I	NĂM 2011: KHÔNG CHUYỂN ĐỔI							
1		2	3	4	5	6	7	8
II	NĂM 2012							
1	Nguyễn Thị Cẩm Hồng	1984	TC Kế toán	06.032	Kế toán Trường THCS Chu Văn An	Kế toán Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	01/4/2012	
2	Đoàn Thị Thanh Tuyền	1977	DH Kế toán	06.031	Kế toán Trường Phổ thông Dân tộc Nội trú	Kế toán Trường Mẫu giáo Hoa Hồng	01/4/2012	
3	Nguyễn Thị Thuý Huyền	1983	DH Kế toán	06.031	Kế toán Trường THCS Trần Quốc Tuấn	Kế toán Trường Phổ thông Dân tộc Nội trú	01/4/2012	
4	Hoàng Đình Thư	1981	TC Kế toán	06.032	Kế toán Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	Kế toán Trường Tiểu học Đinh Tiên Hoàng	01/4/2012	
5	Đoàn Thị Diệu Hiền	1985	TC Kế toán	06.032	Kế toán Trường Tiểu học Đinh Tiên Hoàng	Kế toán Trường THCS Trần Quốc Tuấn	01/4/2012	
6	Nguyễn Thị Bích Ngọc	1984	DH Kế toán	06.031	Kế toán Trường Mẫu giáo Hoa Hồng	Kế toán Trường THCS Chu Văn An	01/4/2012	
III	NĂM 2013							



TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngạch CCVC	Vị trí công tác trước khi chuyển đổi	Vị trí công tác được chuyển đổi đến	Thời gian chuyển đổi	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Kim Hà	1982	ĐH Kế toán	06.031	Kế toán Văn phòng HĐND và UBND huyện	Kế toán Phòng Nội vụ	01/8/2013	
2	Trần Thị Dạ Thảo	1982	CD Kế toán	06a.031	Kế toán Phòng Giáo dục và Đào tạo	Kế toán Văn phòng HĐND và UBND huyện	01/8/2013	
3	Nguyễn Thị Ái Hoa	1981	ĐH Kế toán	06.031	Kế toán Phòng Nội vụ	Kế toán Phòng Nông nghiệp và PTNT	01/8/2013	
4	Đoàn Thị Bích Hải	1963	ĐH Kế toán	06.031	Kế toán Phòng Nông nghiệp và PTNT	Kế toán Phòng Giáo dục và Đào tạo	01/8/2013	
IV	NĂM 2014							
	CẤP HUYỆN							
1	Dương Thị Điểm	1985	ĐH Kế toán	06.031	Kế toán Trung tâm Dân số - KHHGD huyện	Kế toán Trung tâm Giáo dục thường xuyên huyện	01/4/2014	
2	Phạm Thị Thanh Hiền	1986	ĐH Kế toán	06.031	Kế toán Trung tâm Giáo dục thường xuyên huyện	Kế toán Trung tâm Dân số - KHHGD huyện	01/4/2014	
	CẤP XÃ							
1	Trịnh Thị Tuyết Băng	1979	ĐH Kế toán	06.031	Tài chính - Kế toán xã An Thành	Tài chính - Kế toán xã Yang Bắc	01/4/2014	
2	Nguyễn Thị Thanh Lâm	1975	TC Kế toán	06.032	Tài chính - Kế toán thị trấn Đak Pơ	Tài chính - Kế toán xã An Thành	01/4/2014	
3	Châu Thị Ánh Hồng	1979	ĐH Kế toán	06.031	Tài chính - Kế toán xã Yang Bắc	Tài chính - Kế toán xã Tân An	01/4/2014	
4	Lê Thị Hồng Ly	1980	ĐH Kế toán	06.031	Tài chính - Kế toán xã Tân An	Tài chính - Kế toán xã Ya Hội	01/4/2014	
5	Đinh Nguyễn T. Thuý Hằng	1982	ĐH Kế toán	06.031	Tài chính - Kế toán xã Ya Hội	Tài chính - Kế toán thị trấn Đak Pơ	01/4/2014	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngạch CCVC	Vị trí công tác trước khi chuyển đổi	Vị trí công tác được chuyển đổi đến	Thời gian chuyển đổi	Ghi chú
V	NĂM 2015							
1	Vũ Thị Hằng Nga	1982	TC Quản lý đất đai	01.004	Địa chính - Xây dựng thị trấn Dak Pơ	Địa chính - Xây dựng xã Yang Bắc	01/11/2015	
2	Từ Chư	1977	DH Quản lý đất đai	01.003	Địa chính - Xây dựng xã Yang Bắc	Địa chính - Xây dựng xã Cư An	01/11/2015	
3	Nguyễn Thị Hồng Mai	1985	TC Quản lý đất đai	01.004	Địa chính - Xây dựng xã Cư An	Địa chính - Xây dựng xã Phú An	01/11/2015	
4	An Đỗ Bình Nguyễn	1984	DH Quản lý đất đai	01.004	Địa chính - Xây dựng xã Phú An	Địa chính - Xây dựng thị trấn Dak Pơ	01/11/2015	
VI	NĂM 2016: KHÔNG CHUYỂN ĐỔI							
VII	NĂM 2017							
1	Võ Thị Hồng Thơ	1985	TC Quản lý đất đai	01.004	Địa chính-Nông nghiệp- Xây dựng và Môi trường xã An Thành	Địa chính-Nông nghiệp- Xây dựng và Môi trường xã Hà Tam	01/7/2017	
2	Hà Văn Dư	1982	TC Quản lý đất đai	01.004	Địa chính-Nông nghiệp- Xây dựng và Môi trường xã Hà Tam	Địa chính-Nông nghiệp- Xây dựng và Môi trường xã An Thành	01/7/2017	
3	Nguyễn Đình Tuyên	1989	CD Quản lý đất đai	01a.003	Địa chính-Nông nghiệp- Xây dựng và Môi trường xã Tân An	Địa chính-Nông nghiệp- Xây dựng và Môi trường xã Ya Hội	01/7/2017	
4	Nguyễn Minh Hiếu	1987	DH Quản lý đất đai	01.003	Địa chính-Nông nghiệp- Xây dựng và Môi trường xã Ya Hội	Địa chính-Nông nghiệp- Xây dựng và Môi trường xã Tân An	01/7/2017	
VIII	NĂM 2018							
1	Phạm Thị Thanh Hiền	1986	DH Kế toán	06.031	Kế toán Trung tâm Dân số - KHHGD	Kế toán Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện	01/4/2018	
2	Phan Duy Khánh	1986	CD Kế toán	06a.031	Kế toán Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện	Kế toán Trung tâm Văn hoá - Thể thao huyện	01/4/2018	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngạch CCVC	Vị trí công tác trước khi chuyển đổi	Vị trí công tác được chuyển đổi đến	Thời gian chuyển đổi	Ghi chú
3	Phạm Thị Xuân Kiều	1989	ĐH Kế toán	06.031	Kế toán Trung tâm Văn hoá - Thể thao huyện	Kế toán Trung tâm Dân số - KHHGD	01/4/2018	
4	Hoàng Đình Thư	1981	TC Kế toán	06.032	Kế toán Trường Tiểu học Đình Tiên Hoàng	Kế toán Trường Mẫu giáo Bình Minh	01/4/2018	
5	Đoàn Thị Diệu Hiền	1985	TC Kế toán	06.032	Kế toán Trường THCS Trần Quốc Tuấn	Kế toán Trường Mẫu giáo Hoà Mi	01/4/2018	
6	Đoàn Thị Thanh Tuyền	1977	ĐH Kế toán	06.031	Kế toán Trường Mẫu giáo Hoa Hồng	Kế toán Trường THCS Dân tộc Nội trú	01/4/2018	
7	Trần Thị Mỹ Dung	1986	ĐH Kế toán	06.031	Kế toán Trường TH&THCS Đào Duy Từ	Kế toán Trường Tiểu học Đình Tiên Hoàng	01/4/2018	
8	Võ Quốc Dũng	1987	TC Kế toán	06.032	Kế toán Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	Kế toán Trường Tiểu học Trần Quang Khải	01/4/2018	
9	Nguyễn Thị Thuý Huyền	1983	ĐH Kế toán	06.031	Kế toán Trường THCS Dân tộc Nội trú	Kế toán Trường Mẫu giáo Hoa Hồng	01/4/2018	
10	Trần Phương Uyên	1980	TC Kế toán	06.032	Kế toán Trường THCS Phan Bội Châu	Kế toán Trường Mẫu giáo Sơn Ca	01/4/2018	
11	Huỳnh Thị Minh Kiều	1983	ĐH Kế toán	06.031	Kế toán Trường Tiểu học Ngô Quyền	Kế toán Trường THCS Nguyễn Du	01/4/2018	
12	Huỳnh Thị Thịnh	1969	ĐH Kế toán	06.031	Kế toán Trường THCS Nguyễn Du	Kế toán Trường Mẫu giáo Tuổi Thơ	01/4/2018	
13	Lê Như Ngọc	1989	ĐH Kế toán	06.031	Kế toán Trường TH&THCS Lương Thế Vinh	Kế toán Trường TH&THCS Đào Duy Từ	01/4/2018	
14	Nguyễn Thị Thu Phương	1983	ĐH Kế toán	06.031	Kế toán Trường Tiểu học Trần Phú	Kế toán Trường Mẫu giáo Hoa Mai	01/4/2018	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngạch CCVC	Vị trí công tác trước khi chuyển đổi	Vị trí công tác được chuyển đổi đến	Thời gian chuyển đổi	Ghi chú
15	Phan Thị Hiền	1979	DH Kế toán	06.031	Kế toán Trường THCS Mạc Đình Chi	Kế toán Trường TH&THCS Lương Thế Vinh	01/4/2018	
IX	NĂM 2019							
1	Phan Thị Thúy	1986	DH Kế toán	06.031	Kế toán Phòng Lao động - TB&XH	Kế toán Văn phòng HDND và UBND huyện	01/7/2019	
2	Nguyễn Thị Ái Hoa	1981	DH Kế toán	06.031	Kế toán Phòng Nông nghiệp và PTNT	Kế toán Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	01/7/2019	
3	Trần Thị Dạ Thảo	1982	CD Kế toán	06a.031	Kế toán Văn phòng HDND và UBND huyện	Kế toán Phòng Tài nguyên và Môi trường	01/7/2019	
4	Nguyễn Hoàng Phương Thúy	1988	DH Kế toán	06.031	Kế toán Phòng Tài nguyên và Môi trường	Kế toán Phòng Nông nghiệp và PTNT	01/7/2019	
5	Lê Thị Hồng Cường	1982	Cao đẳng Kế toán	06a.031	Kế toán Ban Quản lý DABTXD huyện	Kế toán Trung tâm GDNN- GDTX huyện	01/7/2019	
6	Dương Thị Diễm	1985	Cao đẳng Kế toán	06a.031	Kế toán Trung tâm GDNN- GDTX huyện	Kế toán Ban Quản lý DABTXD huyện	01/7/2019	
X	NĂM 2020: KHÔNG CHUYỂN ĐỔI							
XI	NĂM 2021: KHÔNG CHUYỂN ĐỔI							
XII	NĂM 2022							
	CẤP HUYỆN							
1	Đặng Thị Tuyết	1984	DH Kế toán	06.031	Kế toán Trường TH&THCS Phan Bội Châu	Kế toán Trường THCS Chu Văn An	4/5/2022	
2	Nguyễn Thị Bích Ngọc	1984	DH Kế toán	06.031	Kế toán Trường THCS Chu Văn An	Kế toán Trường TH&THCS Phan Bội Châu	4/5/2022	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngạch CCVC	Vị trí công tác trước khi chuyển đổi	Vị trí công tác được chuyển đổi đến	Thời gian chuyển đổi	Ghi chú
	CẤP XÃ							
1	Đông Văn Phúc	1969	ĐH Kế toán	06.031	Tài chính - Kế toán xã Hà Tam	Tài chính - Kế toán xã An Thành	4/5/2022	
2	Nguyễn T. Thanh Lâm	1975	ĐH Kế toán	06.031	Tài chính - Kế toán xã An Thành	Tài chính - Kế toán xã Hà Tam	4/5/2022	
3	Vũ Thị Hằng Nga	1982	ĐH Quản lý đất đai	01.003	Địa chính - Xây dựng xã Yang Bắc	Địa chính - Xây dựng xã Phú An	4/5/2022	
4	Nguyễn Thị Hồng Mai	1985	ĐH Quản lý đất đai	01.003	Địa chính - Xây dựng xã Phú An	Địa chính - Xây dựng xã Yang Bắc	4/5/2022	